



(12) BẢN MÔ TẢ SÁNG CHẾ THUỘC BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ

(19) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(11)



1-0042931

(51)^{2020.01} A44B 11/02; A45F 3/04; A63B 55/00; (13) B
A45C 13/30

(21) 1-2021-08361 (22) 29/05/2020
(86) PCT/US2020/035400 29/05/2020 (87) WO 2020/243624 03/12/2020
(30) 62/855,747 31/05/2019 US; 63/001,673 30/03/2020 US
(45) 27/01/2025 442 (43) 25/05/2022 410
(73) Karsten Manufacturing Corporation (US)
2201 West Desert Cove, Phoenix, Arizona 85029, United States of America
(72) MARTELL, James D. (US).
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Vàng (GINTASSET CO., LTD.)

(54) HỆ THỐNG QUAI ĐEO DÙNG CHO TÚI CHƠI GÔN

(21) 1-2021-08361

(57) Sáng chế đề cập tới hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn. Hệ thống quai đeo này có thể được chuyển đổi giữa cấu trúc một quai đeo hoặc cấu trúc hai quai đeo. Hệ thống quai đeo bao gồm quai đeo thứ nhất, quai đeo thứ hai, và khóa chuyển. Khóa chuyển có lỗ gắn thứ nhất và lỗ gắn thứ hai để gắn chặt quai đeo thứ nhất. Khóa chuyển còn có lỗ hờ cạnh bên thứ nhất và lỗ hờ cạnh bên thứ hai để xác định đường dẫn thẳng và được làm thích ứng để tiếp nhận quai đeo thứ hai. Quai đeo thứ hai có thể di chuyển tự do dọc theo đường dẫn thẳng.

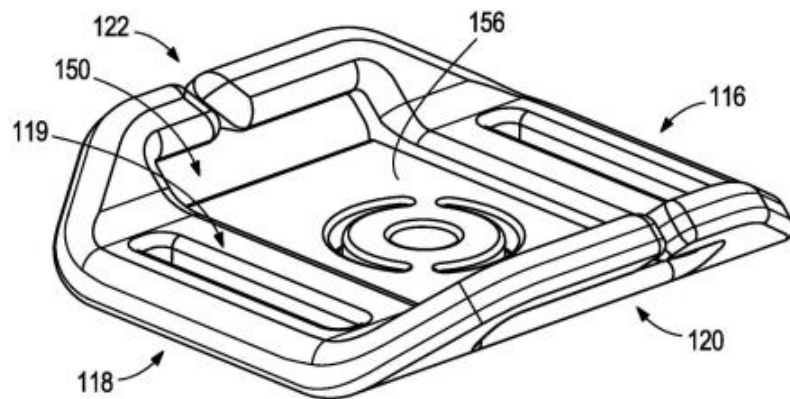


FIG. 4

Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

Nói chung, sáng chế đề cập tới trang bị chơi gôn, và cụ thể hơn, sáng chế đề cập tới hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn.

Tình trạng kỹ thuật của sáng chế

Thông thường, các túi chơi gôn được phân loại thành các túi xách và các túi xe đẩy. Nói chung, các túi xách có hệ thống quai đeo cho phép người dùng có thể mang trọng lượng của túi trên đôi vai. Trong một số kiểu túi xách, hệ thống quai đeo là hệ thống một quai đeo để cho phép người dùng có thể khoác túi ở một bên cơ thể. Trong các kiểu túi xách khác, hệ thống quai đeo là hệ thống hai quai đeo để cho phép người dùng có thể đeo túi như đeo balô.

Các túi xách thường được thiết kế có hệ thống một quai đeo hoặc hệ thống hai quai đeo. Hệ thống một quai đeo có nhược điểm là gây mệt mỏi cho phần cơ thể trên và vai của người dùng do trạng thái đặt tải không đều, và có thể ảnh hưởng đến khả năng chơi của người dùng trong vòng thi đấu gôn. Các hệ thống hai quai đeo khắc phục nhược điểm này bằng cách cung cấp cho người dùng tùy chọn là phân bố đồng đều trọng lượng của túi chơi gôn trên hai vai, điều này giúp giảm bớt mệt mỏi chung. Tuy nhiên, đối với những quãng đường ngắn, người chơi gôn đôi khi ưa thích sự tiện lợi của hệ thống một quai đeo. Ngoài ra, những người phục vụ gôn mang hai túi không thể sử dụng cả hai quai đeo trên túi hai quai đeo và thay vào đó cần phải mang các túi bằng cách đeo một quai đeo từ từng túi trên mỗi vai.

Các hệ thống hai quai đeo thường có các quai đeo đan chéo nhau được đeo giống như đeo balô. Theo một số thiết kế hai quai đeo, túi có thể được nâng bằng một quai đeo và được mang ở bên phải của cơ thể người dùng. Tuy nhiên, trạng thái định hướng của các thiết kế hai quai đeo ngăn không cho người dùng sử dụng thuận tiện một quai đeo ở bên trái của cơ thể người dùng. Quai đeo không được làm thích ứng để phân bố trọng lượng của túi một cách chính xác

khi túi này được mang ở bên trái của cơ thể người dùng. Ngoài ra, cho dù túi được mang ở bên nào của cơ thể, các hệ thống hai quai đeo không hoạt động tốt để đeo bằng một quai đeo vì các quai đeo được cố định vào nhau ở giao điểm đan chéo. Giao điểm này có thể chạy vào khuỷu tay của người dùng khi người dùng nhấc túi bằng một quai đeo. Trên cơ sở các vấn đề như nêu trên, cần phải đề xuất hệ thống quai đeo chuyển đổi được giữa hệ thống hai quai đeo thành hệ thống một quai đeo và ngược lại.

Bản chất kỹ thuật của sáng chế

Mục đích của sáng chế là đề xuất hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn.

Theo khía cạnh chính, sáng chế đề xuất hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn bao gồm:

quai đeo thứ nhất bao gồm:

đoạn thứ nhất có đầu thứ nhất và đầu gắn thứ nhất, đầu thứ nhất được liên kết với túi chơi gôn; và

đoạn thứ hai có đầu gắn thứ hai và đầu thứ hai, đầu thứ hai được liên kết với túi chơi gôn;

quai đeo thứ hai có đầu thứ nhất và đầu thứ hai đều được liên kết với túi chơi gôn;

khóa chuyển bao gồm:

cạnh trên có lỗ gắn thứ nhất;

cạnh dưới có lỗ gắn thứ hai;

cạnh bên thứ nhất có tay đòn thứ nhất có khe thứ nhất; và

cạnh bên thứ hai có tay đòn thứ hai có khe thứ hai;

trong đó:

cạnh bên thứ nhất và cạnh bên thứ hai được làm nghiêng góc so với phần còn lại của khóa chuyển;

cạnh bên thứ nhất xác định lỗ hở cạnh bên thứ nhất, tay đòn thứ nhất tạo ra mép của lỗ hở cạnh bên thứ nhất;

cạnh bên thứ hai xác định lỗ hở cạnh bên thứ hai, tay đòn thứ hai tạo ra mép của lỗ hở cạnh bên thứ hai;

đầu gắn thứ nhất của quai đeo thứ nhất được nối với lỗ gắn thứ nhất;

đầu gắn thứ hai của quai đeo thứ nhất được nối với lỗ gắn thứ hai;

quai đeo thứ hai được làm thích ứng để lắp khít bên trong lỗ hở cạnh bên thứ nhất và lỗ hở cạnh bên thứ hai dọc theo đường dẫn thẳng kéo dài qua lỗ hở cạnh bên thứ nhất và lỗ hở cạnh bên thứ hai;

quai đeo thứ hai có thể di chuyển tự do dọc theo đường dẫn thẳng;

túi chơi gôn có thể được thiết lập cấu trúc để mang ở cấu trúc một quai đeo hoặc ở cấu trúc hai quai đeo;

quai đeo thứ hai được nhả với khóa chuyển ở cấu trúc một quai đeo;

quai đeo thứ hai được gài với khóa chuyển ở cấu trúc hai quai đeo;

quai đeo thứ hai được gài với khóa chuyển khi quai đeo thứ hai kéo dài qua lỗ hở cạnh bên thứ nhất và lỗ hở cạnh bên thứ hai dọc theo đường dẫn thẳng.

Mô tả vắn tắt các hình vẽ

Fig.1 là hình chiếu đứng thể hiện hệ thống quai đeo theo phương án thứ nhất;

Fig.2 là hình vẽ phối cảnh từ phía trước thể hiện khóa chuyển theo một phương án;

Fig.3 là hình chiếu đứng thể hiện khóa chuyển theo Fig.2;

Fig.4 là hình vẽ phối cảnh từ phía sau thể hiện khóa chuyển theo Fig.2;

Fig.5 là hình chiếu từ phía sau thể hiện khóa chuyển theo Fig.2;

Fig.6 là hình chiếu thể hiện khóa chuyển theo Fig.2;

Fig.7 là hình vẽ mặt cắt ngang thể hiện khóa chuyển theo Fig.2 được cắt theo đường VII-VII theo Fig.5;

Fig.8 là hình chiếu cạnh thể hiện khóa chuyển theo Fig.6, trong đó thể hiện quai đeo thứ nhất và quai đeo thứ hai của hệ thống quai đeo;

Fig.9 là hình chiếu cạnh được cắt thể hiện khóa chuyển theo Fig.7, trong đó thể hiện quai đeo thứ nhất và quai đeo thứ hai của hệ thống quai đeo;

Fig.10 là hình chiếu từ trên xuống thể hiện khóa chuyển theo Fig.2;

Fig.11 là hình chiếu từ trên xuống được cắt thể hiện khóa chuyển theo Fig.2 được cắt theo đường XI-XI theo Fig.5;

Fig.12 là hình chiếu từ trên xuống thể hiện khóa chuyển theo Fig.10, trong đó thể hiện quai đeo thứ nhất và quai đeo thứ hai của hệ thống quai đeo;

Fig.13 là hình chiếu từ trên xuống được cắt thể hiện khóa chuyển theo Fig.11, trong đó thể hiện quai đeo thứ nhất và quai đeo thứ hai của hệ thống quai đeo;

Fig.14 là hình chiếu đứng thể hiện hệ thống quai đeo theo Fig.1 ở cấu trúc một quai đeo;

Fig.15 là hình chiếu đứng thể hiện hệ thống quai đeo theo Fig.1 ở cấu trúc hai quai đeo;

Fig.16 là hình vẽ phối cảnh thể hiện hệ thống quai đeo theo Fig.1 ở cấu trúc hai quai đeo; và

Fig.17 là hình vẽ phối cảnh thể hiện hệ thống quai đeo theo Fig.1 với quai đeo thứ hai được lắp một phần vào lỗ hở cạnh bên thứ nhất.

Mô tả chi tiết sáng chế

Sáng chế đề cập tới hệ thống quai đeo chuyển đổi được dùng cho túi chơi gôn. Hệ thống quai đeo này có thể chuyển đổi được giữa cấu trúc một quai đeo và cấu trúc hai quai đeo. Hệ thống quai đeo có thể bao gồm quai đeo thứ nhất 102, quai đeo thứ hai 108, và khóa chuyển 100. Khóa chuyển 100 có thể định hướng quai đeo thứ nhất 102 và quai đeo thứ hai 108 tương quan với nhau ở cấu trúc hai quai đeo. Quai đeo thứ nhất 102 có thể được gài vĩnh viễn với khóa chuyển 100, trong khi quai đeo thứ hai 108 có thể được gài tháo ra được với khóa chuyển 100. Ở cấu trúc một quai đeo, quai đeo thứ hai 108 có thể không được gài với khóa chuyển 100. Ở cấu trúc hai quai đeo, quai đeo thứ hai 108 có thể được gài kiểu tịnh tiến với khóa chuyển 100.

Như được thể hiện trên Fig.1, Fig.12, và Fig.13, quai đeo thứ nhất 102 có thể là không liên tục. Quai đeo thứ nhất 102 có thể bao gồm đoạn thứ nhất 104 và đoạn thứ hai 106. Khóa chuyển 100 có thể được nối giữa đoạn thứ nhất 104 và đoạn thứ hai 106 của quai đeo thứ nhất 102. Đoạn thứ nhất 104 có thể có đầu thứ nhất và đầu gắn thứ nhất 110. Đầu thứ nhất có thể được liên kết với túi chơi gôn. Theo một số phương án, đầu thứ nhất được nối với mặt sau của túi chơi gôn, lệch về phía bên phải của túi chơi gôn. Đầu gắn thứ nhất 110 có thể được nối với khóa chuyển 100. Theo một số phương án, đầu gắn thứ nhất 110 được liên kết, được gắn, được may vĩnh viễn lên khóa chuyển 100 và/hoặc được gắn tháo ra được với chi tiết lắp cài hoặc các cơ cấu nối tháo được khác. Đoạn thứ hai 106 có thể có đầu thứ hai và đầu gắn thứ hai 112. Đầu thứ hai có thể được liên kết với túi chơi gôn. Đầu gắn thứ hai 112 có thể được nối với khóa chuyển 100. Theo một số phương án, đầu gắn thứ hai 112 được liên kết, được gắn, được may vĩnh viễn lên khóa chuyển 100, và/hoặc được gắn tháo ra được với chi tiết lắp cài hoặc các cơ cấu nối tháo được khác. Theo một số phương án, đầu thứ hai có thể được nối với mặt sau của túi chơi gôn, lệch về phía bên trái của túi chơi gôn. Theo một số phương án, đầu thứ nhất và đầu thứ hai của quai đeo thứ nhất 102 có thể được làm thích ứng để có thể tháo được ra khỏi túi chơi gôn. Theo một số phương án, quai đeo thứ nhất 102 còn bao gồm phần đệm.

Sự gián đoạn của quai đeo thứ nhất 102 ngăn không cho quai đeo thứ nhất 102 cọ xát vào và tạo ra ma sát với quai đeo thứ hai 108. Quai đeo thứ hai 108 có thể trượt tự do nhờ khóa chuyển 100, mà không bị cản trở bởi trạng thái cắt ngang của quai đeo thứ nhất 102 được gắn chặt vào các mép của khóa chuyển 100. Tuy nhiên, theo một số phương án (không được thể hiện trên hình vẽ), quai đeo thứ nhất 102 có thể là liên tục, miễn là quai đeo thứ hai 108 được định vị bên dưới quai đeo thứ nhất 102 trong kênh dẫn, vì thế quai đeo thứ hai 108 không tiếp xúc với quai đeo thứ nhất 102.

Quai đeo thứ hai 108 có thể là liên tục. Quai đeo thứ hai 108 có thể có đầu thứ nhất và đầu thứ hai. Đầu thứ nhất và đầu thứ hai có thể được liên kết với túi chơi gôn. Đầu thứ nhất của quai đeo thứ hai 108 có thể được nối với mặt sau của

túi chơi gôn, lệch về phía bên trái của túi chơi gôn. Đầu thứ hai của quai đeo thứ hai 108 có thể được nối với mặt sau của túi chơi gôn, lệch về phía bên phải của túi chơi gôn. Theo một số phương án, đầu thứ nhất và đầu thứ hai của quai đeo thứ hai 108 có thể được làm thích ứng để có thể tháo được ra khỏi túi chơi gôn. Theo một số phương án, quai đeo thứ hai 108 còn bao gồm phần đệm. Như được thể hiện trên Fig.8 và Fig.12, quai đeo thứ nhất 102 và quai đeo thứ hai 108 có độ rộng quai đeo 180 và độ dày quai đeo 182.

Khóa chuyển 100 có thể thiết lập cấu trúc quai đeo thứ nhất 102 và quai đeo thứ hai 108. Như được thể hiện trên Fig.2, khóa chuyển 100 có thể bao gồm thân giữa 114, cạnh bên thứ nhất 120, cạnh bên thứ hai 122, cạnh trước, và cạnh sau. Thân giữa 114 có thể bao gồm cạnh trên 116 và cạnh dưới 118. Cạnh trên 116 có thể có lỗ gắn thứ nhất 152 để tiếp nhận đầu gắn thứ nhất 110 của quai đeo thứ nhất 102. Lỗ gắn thứ nhất 152 có thể được cắt ra khỏi thân giữa 114 sao cho mặt phẳng kéo dài qua lỗ gắn thứ nhất 152 có thể vuông góc với mặt phẳng kéo dài qua thân giữa 114. Cạnh dưới 118 có thể có lỗ gắn thứ hai 154 để tiếp nhận đầu gắn thứ hai 112 của quai đeo thứ nhất 102. Lỗ gắn thứ hai 154 có thể được cắt ra khỏi thân giữa 114 sao cho mặt phẳng kéo dài qua lỗ gắn thứ hai 154 có thể vuông góc với mặt phẳng kéo dài qua thân giữa 114. Theo một số phương án, đầu gắn thứ nhất và/hoặc đầu gắn thứ hai 112 của quai đeo thứ nhất 102 có thể được vòng qua lỗ gắn thứ nhất và/hoặc lỗ gắn thứ hai 154 và gắn chặt trở lại lên quai đeo thứ nhất 102 bằng cách khâu. Theo một số phương án, thân giữa 114 của khóa chuyển 100 có thể bao gồm biểu trưng hoặc biểu tượng 190. Biểu trưng hoặc biểu tượng 190 có thể được dập nổi, được in, hoặc được cắt qua thân giữa 114. Theo phương án được minh họa, biểu trưng 190 được cắt qua thân giữa 114. Cạnh bên thứ nhất 120 và cạnh bên thứ hai 122 của khóa chuyển 100 có thể được làm thích ứng để tiếp nhận tháo ra được quai đeo thứ hai 108.

Như được thể hiện trên Fig.2, Fig.4, và Fig.10 tới Fig.13, cạnh bên thứ nhất 120 và cạnh bên thứ hai 122 có thể được làm nghiêng góc xuống dưới từ thân giữa 114 về phía phần sau của khóa chuyển. Theo một số phương án, cạnh bên thứ nhất và cạnh bên thứ hai 122 có thể được làm nghiêng góc xuống dưới

từ thân giữa 114 ở các góc bằng nhau. Như được thể hiện trên Fig.10, cạnh bên thứ nhất 120 có thể được làm nghiêng góc xuống dưới từ thân giữa 114 ở góc cạnh bên thứ nhất 160 từ 10° tới 90° . Cạnh bên thứ hai 122 có thể được làm nghiêng góc xuống dưới từ thân giữa 114 ở góc cạnh bên thứ hai 160 từ 10° tới 90° . Góc cạnh bên thứ nhất 160 và/hoặc góc cạnh bên thứ hai 162 có thể từ 10° tới 20° , từ 20° tới 30° , từ 30° tới 40° , từ 40° tới 50° , từ 50° tới 60° , từ 60° tới 70° , từ 70° tới 80° , từ 80° tới 90° .

Theo Fig.3 và Fig.5, cạnh bên thứ nhất 120 có thể có góc trên thứ nhất 124, góc dưới thứ nhất 126, và tay đòn thứ nhất 132. Tay đòn thứ nhất 132 có thể bao gồm phần tay đòn thứ nhất trên 136 và phần tay đòn thứ nhất dưới 138. Tay đòn thứ nhất 132 có thể là không liên tục sao cho khoảng trống giữa phần tay đòn thứ nhất trên 136 và phần tay đòn thứ nhất dưới 138 xác định khe thứ nhất 144. Phần tay đòn thứ nhất trên 136 có thể nối với và kéo dài từ góc trên thứ nhất 124. Phần tay đòn thứ nhất dưới 138 có thể nối với và kéo dài từ góc dưới thứ nhất 126.

Cạnh bên thứ hai 122 có thể bao gồm góc trên thứ hai 128, góc dưới thứ hai 130, và tay đòn thứ hai 134. Tay đòn thứ hai 134 có thể bao gồm phần tay đòn thứ hai trên 140 và phần tay đòn thứ hai dưới 142. Tay đòn thứ hai 134 có thể là không liên tục sao cho khoảng trống giữa phần tay đòn thứ hai trên 140 và phần tay đòn thứ hai dưới 142 xác định khe thứ hai 146. Phần tay đòn thứ hai trên 140 có thể nối với và kéo dài từ góc trên thứ hai 128. Phần tay đòn thứ hai dưới 142 có thể nối với và kéo dài từ góc dưới thứ hai 130. Khe thứ nhất 144 và khe thứ hai 146 cho phép quai đeo thứ hai để được gài với hoặc được nhả ra khỏi khóa chuyển 100. Nói cách khác, khe thứ nhất 144 và khe thứ hai 146 lần lượt ở tay đòn thứ nhất 132 và tay đòn thứ hai 134 cho phép hệ thống quai đeo có thể chuyển đổi giữa cấu trúc một quai đeo và cấu trúc hai quai đeo.

Cạnh bên thứ nhất 120 có thể xác định lỗ hổng cạnh bên thứ nhất 148, được làm thích ứng để tiếp nhận quai đeo thứ hai 108. Góc trên thứ nhất 124, góc dưới thứ nhất 126, tay đòn thứ nhất 132, và thân giữa 114 của khóa chuyển 100 có thể tạo ra các ranh giới đối với lỗ hổng cạnh bên thứ nhất 148. Tay đòn thứ nhất

132 có thể xác định mép ngoài của lỗ hở cạnh bên thứ nhất 148. Khe thứ nhất 144 có thể nối thông vào lỗ hở cạnh bên thứ nhất 148. Cạnh bên thứ hai 122 có thể xác định lỗ hở cạnh bên thứ hai 150, được làm thích ứng để tiếp nhận quai đeo thứ hai 108. Góc trên thứ hai 128, góc dưới thứ hai 130, tay đòn thứ hai 134, và thân giữa 114 có thể tạo ra các ranh giới đối với lỗ hở cạnh bên thứ hai 150. Tay đòn thứ hai 134 có thể xác định mép ngoài của lỗ hở cạnh bên thứ hai 150, và khe thứ hai 146 có thể nối thông vào lỗ hở cạnh bên thứ hai 150.

Theo Fig.3 và Fig.7, lỗ hở cạnh bên thứ nhất 148 có độ rộng lỗ hở cạnh bên thứ nhất 164 và độ cao lỗ hở cạnh bên thứ nhất 168. Theo Fig.3 và Fig.6, lỗ hở cạnh bên thứ hai 150 có độ rộng lỗ hở cạnh bên thứ hai 166 và độ cao lỗ hở cạnh bên thứ hai 170. Độ rộng lỗ hở cạnh bên thứ nhất 164 và độ rộng lỗ hở cạnh bên thứ hai 166 có thể là cùng độ rộng. Độ cao lỗ hở cạnh bên thứ nhất 168 và độ cao lỗ hở cạnh bên thứ hai 170 có thể là cùng độ cao.

Độ rộng lỗ hở cạnh bên thứ nhất 164 và độ rộng lỗ hở cạnh bên thứ hai 166 nằm trong khoảng từ 20 mm tới 30 mm. Độ rộng lỗ hở cạnh bên thứ nhất 164 và độ rộng lỗ hở cạnh bên thứ hai 166 có thể từ 20 mm tới 22 mm, từ 22 mm tới 24 mm, từ 24 mm tới 26 mm, từ 26 mm tới 28 mm, hoặc từ 28 mm tới 30 mm. Theo một số phương án, độ rộng lỗ hở cạnh bên thứ nhất 164 và/hoặc độ rộng lỗ hở cạnh bên thứ hai 166 có thể là 20 mm, 21 mm, 22 mm, 23 mm, 24 mm, 25 mm, 26 mm, 27 mm, 28 mm, 29 mm, hoặc 30 mm. Độ rộng lỗ hở cạnh bên thứ nhất 164 và độ rộng lỗ hở cạnh bên thứ hai 166 là lớn hơn so với độ rộng quai đeo thứ hai 180. Độ cao lỗ hở cạnh bên thứ nhất 168 và độ cao lỗ hở cạnh bên thứ hai 170 nằm trong khoảng từ 2 mm tới 8 mm. Độ cao lỗ hở cạnh bên thứ nhất 168 và độ cao lỗ hở cạnh bên thứ hai 170 có thể từ 2 mm tới 3 mm, từ 3 mm tới 4 mm, từ 4 mm tới 5 mm, từ 5 mm tới 6 mm, từ 6 mm tới 7 mm, hoặc từ 7 mm tới 8 mm. Theo một số phương án, độ cao lỗ hở cạnh bên thứ nhất 168 và/hoặc độ cao lỗ hở cạnh bên thứ hai 170 có thể là 2 mm, 3 mm, 4 mm, 5 mm, 6 mm, 7 mm, hoặc 8 mm.

Theo Fig.3 và Fig.6 tới Fig.8, lỗ hở cạnh bên thứ nhất 148 và lỗ hở cạnh bên thứ hai 150 được định cỡ để phía sau quai đeo thứ hai 108. Độ rộng lỗ hở

cạnh bên thứ nhất 164 và độ rộng lỗ hở cạnh bên thứ hai 166 là lớn hơn so với độ rộng quai đeo thứ hai 180. Độ cao lỗ hở cạnh bên thứ nhất 168 và độ cao lỗ hở cạnh bên thứ hai 170 là lớn hơn so với độ dày quai đeo thứ hai 182. Độ rộng lỗ hở cạnh bên thứ nhất 164 và độ rộng lỗ hở cạnh bên thứ hai 166 và các độ cao 168, 170 cho phép quai đeo thứ hai 108 có thể lắp khít thoải mái bên trong và trượt tự do qua lỗ hở cạnh bên thứ nhất 148 và lỗ hở cạnh bên thứ hai 150. Nói cách khác, độ rộng lỗ hở cạnh bên thứ nhất 164 và độ rộng lỗ hở cạnh bên thứ hai 166 và các độ cao 168, 170 có các giá trị để cho phép quai đeo thứ hai 108 có thể di chuyển bên trong lỗ hở cạnh bên thứ nhất 148 và lỗ hở cạnh bên thứ hai 150 không bị cản trở và không bị hạn chế theo hướng từ lỗ hở cạnh bên thứ nhất 148 tới lỗ hở cạnh bên thứ hai 150. Di chuyển tự do này của quai đeo thứ hai 108 cho phép túi chơi gôn có thể tự điều chỉnh theo tư thế của người dùng khi hệ thống quai đeo ở cấu trúc hai quai đeo.

Như được thể hiện trên Fig.6 và Fig.7, khe thứ nhất 144 và khe thứ hai 146 có độ rộng khe 172. Độ rộng khe 172 có thể được đo vuông góc từ mặt phẳng tiếp tuyến với một đầu của phần tay đòn trên 136 hoặc 140 lần lượt tới mặt phẳng tiếp tuyến với một đầu của phần tay đòn dưới 138 hoặc 142. Độ rộng khe 172 nằm trong khoảng từ 0,5 mm tới 5 mm. Độ rộng khe 172 có thể nằm trong khoảng từ 0,5 mm tới 0,7 mm, từ 0,7 mm tới 0,9 mm, từ 0,9 mm tới 1,1 mm, từ 1 mm tới 1,5 mm, từ 1,5 mm tới 2 mm, từ 2 mm tới 3 mm, từ 3 mm tới 4 mm, hoặc từ 4 mm tới 5 mm. Theo một số phương án, độ rộng khe 172 có thể là 0,5 mm, 0,6 mm, 0,7 mm, 0,8 mm, 0,9 mm, hoặc 1.0 mm. Độ rộng khe 172 lớn hơn so với độ dày quai đeo thứ hai 182. Khe thứ nhất 144 và khe thứ hai 146 cho phép lắp và tháo quai đeo thứ hai 108 lần lượt vào và ra khỏi lỗ hở cạnh bên thứ nhất 148 và lỗ hở cạnh bên thứ hai 150.

Như được thể hiện trên Fig.6 tới Fig.9, theo một số phương án, khe thứ nhất 144 có thể gần với cạnh trên 116 hơn so với cạnh dưới 118 của khóa chuyển 100, và khe thứ hai 146 có thể gần với cạnh dưới 118 hơn so với cạnh trên 116 của khóa chuyển 100. Phần tay đòn thứ nhất trên 136 có thể ngắn hơn so với phần tay đòn thứ nhất dưới 138. Phần tay đòn thứ hai trên 140 có thể dài

hơn so với phần tay đòn thứ hai dưới 142. Vị trí của khe thứ nhất 144 và khe thứ hai 146 khi được xác định bởi các độ dài của các phần tay đòn có ảnh hưởng đến khả năng của khóa chuyển 100 để giữ quai đeo thứ hai 108 mà không bị tuột ra khi túi chơi gôn ở cấu trúc hai quai đeo.

Như được thể hiện trên Fig.16, khi túi chơi gôn được nâng bằng quai đeo thứ hai 108 khi ở cấu trúc hai quai đeo, vật liệu của quai đeo thứ hai 108 có thể co lại bên trong lỗ hở cạnh bên thứ nhất 148 và lỗ hở cạnh bên thứ hai 150. Bên trong lỗ hở cạnh bên thứ nhất 148, quai đeo thứ hai 108 có thể co lại về phía góc trên thứ nhất 124 ở cạnh trên 116 của khóa chuyển 100. Vị trí của khe thứ nhất 144 gần với cạnh trên 116 (và góc trên thứ nhất 124) hơn so với cạnh dưới 118 (và góc dưới thứ nhất 126) có thể ngăn không cho mép của quai đeo thứ hai 108 bị trượt ra khi quai đeo 108 được bó lại. Bên trong lỗ hở cạnh bên thứ hai 150, quai đeo thứ hai 108 có thể co lại về phía góc dưới thứ hai 130 ở cạnh dưới 118 của khóa chuyển 100. Vị trí của khe thứ hai 146 gần với cạnh dưới 118 (và góc dưới thứ hai 130) hơn so với cạnh trên 116 (và góc trên thứ hai 128) có thể ngăn không cho mép của quai đeo thứ hai 108 bị trượt ra khi quai đeo 108 được bó lại. Do đó, các độ dài của phần tay đòn thứ nhất trên 136, phần tay đòn thứ nhất dưới 138, phần tay đòn thứ hai trên 140, và phần tay đòn thứ hai dưới 142 có thể ngăn không cho quai đeo thứ hai 108 bị trượt ra qua khe thứ nhất 144 và khe thứ hai 146. Đặc tính an toàn này giúp giữ lỏng quai đeo thứ hai 108 bên trong khóa chuyển, vì thế quai đeo thứ hai 108 được nối trượt được với quai đeo thứ nhất 102.

Theo Fig.5, khe thứ nhất 144 và/hoặc khe thứ hai 146 có thể được làm nghiêng góc lần lượt so với tay đòn thứ nhất 132 và/hoặc tay đòn thứ hai 134. Theo một số phương án, khe thứ nhất 144 và/hoặc khe thứ hai 146 có thể được làm nghiêng góc gần như song song với đường chuẩn 174 được vẽ từ góc trên thứ nhất 124 của khóa chuyển 100 tới góc dưới thứ hai 130 của khóa chuyển 100. Theo một số phương án, khe thứ nhất 144 và/hoặc khe thứ hai 146 có thể bao gồm góc bất kỳ phù hợp để lắp và tháo quai đeo thứ hai 108. Theo một số phương án, trục dọc 178 được xác định theo hướng từ cạnh bên thứ nhất 120 tới

cạnh bên thứ hai 122, và được định tâm giữa cạnh trên 116 và cạnh dưới 118 của khóa chuyển khi được quan sát trên hình chiếu từ phía sau. Đường chuẩn khe thứ nhất 145 chạy song song qua khe thứ nhất khi được quan sát trên hình chiếu từ phía sau. Đường chuẩn khe thứ hai 147 chạy song song qua khe thứ hai khi được quan sát trên hình chiếu từ phía sau. Khe thứ nhất 144 được làm nghiêng góc với góc khe thứ nhất θ_1 , được đo ngược chiều kim đồng hồ từ trục dọc 178 tới đường chuẩn khe thứ nhất 145. Khe thứ hai 146 được làm nghiêng góc với góc khe thứ hai θ_2 , được đo ngược chiều kim đồng hồ từ trục dọc 178 tới đường chuẩn khe thứ hai 147. Góc khe thứ nhất θ_1 có thể bằng góc khe thứ hai θ_2 . Theo một số phương án, góc khe thứ nhất θ_1 và/hoặc góc khe thứ hai θ_2 có giá trị từ 0 tới 80°. Theo một số phương án, góc khe thứ nhất θ_1 và/hoặc góc khe thứ hai θ_2 từ 0 tới 10°, từ 10° tới 20°, từ 20° tới 30°, từ 30° tới 40°, từ 40° tới 50°, từ 50° tới 60°, từ 60° tới 70°, hoặc từ 70° tới 80°. Sự tạo góc của khe thứ nhất 144 và khe thứ hai 146 giúp ngăn không cho quai đeo thứ hai vô tình tuột ra khỏi khóa chuyển (đi ra khỏi khe thứ nhất 144 và/hoặc khe thứ hai 146) ở cấu trúc hai quai đeo, trong khi còn cho phép quai đeo thứ hai có thể được tháo nhanh chóng để chuyển đổi hệ thống quai đeo thành cấu trúc một quai đeo. Thiết kế của khe thứ nhất 144 và khe thứ hai 146 cho phép hoạt động chuyển đổi và thiết lập nhanh chóng và linh hoạt của hệ thống quai đeo.

Lỗ hở cạnh bên thứ nhất 148 và lỗ hở cạnh bên thứ hai 150 có thể được làm thích ứng để tiếp nhận tháo ra được quai đeo thứ hai 108 của túi chơi gôn. Như được thể hiện trên Fig.7 và Fig.11, đường dẫn thẳng 158 có thể kéo dài qua lỗ hở cạnh bên thứ nhất 120 và lỗ hở cạnh bên thứ hai 150. Nói cách khác, đường dẫn thẳng có khoảng trống ngay giữa lỗ hở cạnh bên thứ nhất 148 và lỗ hở cạnh bên thứ hai 150. Khóa chuyển 100 không có chi tiết nào giao với đường dẫn thẳng. Đường dẫn có độ rộng đường dẫn với độ rộng bằng độ rộng lỗ hở cạnh bên thứ nhất 164 và độ rộng lỗ hở cạnh bên thứ hai 166.

Theo Fig.4, Fig.5, Fig.7, và Fig.9, theo một số phương án, kênh dẫn 156 có thể được cắt vào thân giữa 114. Kênh dẫn 156 này có thể chạy song song với đường dẫn thẳng 158. Theo một số phương án, đường dẫn thẳng 158 chạy qua

kênh dẫn 156. Kênh dẫn 156 có thể kéo dài từ lỗ hở cạnh bên thứ nhất 148 tới lỗ hở cạnh bên thứ hai 150. Kênh dẫn 156 có thể rộng bằng lỗ hở cạnh bên thứ nhất 148 và lỗ hở cạnh bên thứ hai 150. Kênh dẫn 156 có thể được cắt hoặc làm lõm vào mặt của thân giữa 114, sao cho mặt phẳng của kênh dẫn 156 song song với mặt phẳng của thân giữa 114. Kênh dẫn 156 có thể có độ sâu nhất định 176. Độ sâu 176 của kênh dẫn 156 có thể nhỏ hơn so với độ dày của thân giữa 114. Theo một số phương án, độ sâu kênh dẫn 176 có thể từ 0 mm tới 3 mm. Theo một số phương án, độ sâu kênh dẫn 176 có thể từ 0 mm tới 0,5 mm, từ 0,5 mm tới 1 mm, từ 1 mm tới 1,5 mm, từ 1,5 mm tới 2 mm, từ 2 mm tới 2,5 mm, hoặc từ 2,5 mm tới 3 mm. Lỗ hở cạnh bên thứ nhất 120, lỗ hở cạnh bên thứ hai 150, và kênh dẫn 156 của khóa chuyển 100 được làm thích ứng để cho phép di chuyển tự do của quai đeo thứ hai 108 dọc theo đường dẫn thẳng 158.

Ở cấu trúc một quai đeo, quai đeo thứ nhất 102 có thể độc lập với quai đeo thứ hai 108. Nói cách khác, quai đeo thứ hai 108 có thể được nhả ra khỏi khóa chuyển 100. Khóa chuyển 100 có thể được giữ và được cố định giữa đoạn thứ nhất 104 và đoạn thứ hai 106 của quai đeo thứ nhất 102.

Ở cấu trúc hai quai đeo, quai đeo thứ hai 108 có thể được gài với khóa chuyển 100. Quai đeo thứ hai 108 có thể chạy dọc theo kênh dẫn 156 và/hoặc đường dẫn thẳng 158 được cắt qua thân giữa 114 và được giới hạn bởi lỗ hở cạnh bên thứ nhất 148 và lỗ hở cạnh bên thứ hai 150 của khóa chuyển 100. Quai đeo thứ hai 108 được làm thích ứng để trượt dọc theo kênh dẫn 156 mà không có phần uốn, phần gấp, hoặc phần cuộn, và không có lực cản hoặc lực kẹp sao cho quai đeo thứ hai 108 không được cố định đúng vị trí vào khóa chuyển 100 dọc theo đường dẫn thẳng 158 giữa lỗ hở cạnh bên thứ nhất 148 và lỗ hở cạnh bên thứ hai 150. Chuyển động trượt của quai đeo thứ hai 108 cho phép trọng lượng của túi chơi gôn có thể được phân bố tự động (được tự điều chỉnh) giữa cả quai đeo thứ nhất 102 và quai đeo thứ hai 108 mà không cần người dùng điều chỉnh độ dài của một trong hai quai đeo. Ở cấu trúc hai quai đeo, khóa chuyển 100 hạn chế quai đeo thứ hai 108 ở mức độ nhất định theo mọi hướng khác với hướng của kênh dẫn 156. Bằng cách cố định quai đeo thứ hai 108 liền kề với

quai đeo thứ nhất 102, khóa chuyển 100 giữ các quai đeo được định hướng ở cấu trúc (1) sao cho có thể được đeo trên hai vai và cấu trúc (2) để phân bố đồng đều trọng lượng của túi chơi gôn.

Ở cấu trúc hai quai đeo, quai đeo thứ nhất 102 và quai đeo thứ hai 108 có thể được định hướng vuông góc với nhau bằng khóa chuyển 100. Thiết lập đan chéo này của quai đeo thứ nhất 102 và quai đeo thứ hai 108, được nối bằng khóa chuyển 100, không chỉ cho phép người dùng có thể dễ dàng định vị túi chơi gôn trên lưng người này, mà còn cho phép người dùng có thể bước đi và di chuyển mà không làm rời hoặc dịch chuyển các quai đeo 102, 108 vào vị trí không mong muốn.

Như đã mô tả trên đây, hệ thống quai đeo có thể được sử dụng ở cấu trúc một quai đeo, chẳng hạn được thể hiện trên Fig.14, hoặc ở cấu trúc hai quai đeo, như được thể hiện trên Fig.15. Để chuyển đổi hệ thống quai đeo từ cấu trúc một quai đeo thành cấu trúc hai quai đeo, quai đeo thứ hai 108 được gài với khóa chuyển 100. Theo Fig.17, việc gài quai đeo thứ hai 108 với khóa chuyển 100 là lắp mép của quai đeo thứ hai 108 vào khe thứ nhất 144 trên cạnh bên thứ nhất 120 của khóa chuyển 100. Tiếp đó, quai đeo thứ hai 108 có thể được dẫn tiến hoàn toàn qua khe thứ nhất 144 vào lỗ hở cạnh bên thứ nhất 148, điều này đòi hỏi trạng thái bó tạm thời nhất định của vật liệu của quai đeo thứ hai 108. Tiếp đó, quai đeo thứ hai 108 có thể được phép mở rộng ra vào lỗ hở cạnh bên thứ nhất 148, và tay đòn thứ nhất 132 giữ quai đeo thứ hai 108 bên trong lỗ hở cạnh bên thứ nhất 148. Tiếp theo, một phần khác của quai đeo thứ hai 108 có thể được lắp vào khe thứ hai 146 trên cạnh bên thứ hai 122 của khóa chuyển 100. Quai đeo thứ hai 108 tiếp đó có thể được dẫn hoàn toàn qua khe thứ hai 146 và được gắn chặt với lỗ hở cạnh bên thứ hai 150 theo cách tương tự với việc lắp quai đeo thứ hai 108 vào lỗ hở cạnh bên thứ nhất 148. Tay đòn thứ hai 134 giữ quai đeo thứ hai 108 bên trong lỗ hở cạnh bên thứ hai 150. Khi hoàn thành việc lắp quai đeo thứ hai 108 vào lỗ hở cạnh bên thứ nhất 148 và lỗ hở cạnh bên thứ hai 150, quai đeo thứ hai 108 có thể nằm dọc theo đường dẫn thẳng 158 và không gặp phải cản trở đối với chuyển động dọc theo đường dẫn thẳng 158.

Để chuyển đổi hệ thống quai đeo từ cấu trúc hai quai đeo thành cấu trúc một quai đeo, quai đeo thứ hai 108 có thể được nhả bằng cách đảo ngược quy trình lắp nêu trên. Quai đeo thứ hai 108 có thể được kéo theo chiều ngang qua khe thứ nhất 144 và/hoặc khe thứ hai 146 để tháo quai đeo thứ hai ra khỏi lỗ hờ cạnh bên thứ nhất 148 và/hoặc lỗ hờ cạnh bên thứ hai 150.

Theo một số phương án của hệ thống quai đeo chuyển đổi được, quai đeo thứ hai 108 có thể được làm thích ứng để có thể tháo hoàn toàn ra khỏi túi chơi gôn, nhờ đó cho phép người dùng có thể thiết lập túi chơi gôn theo cách chắc chắn hơn ở cấu trúc một quai đeo. Theo các phương án này, quai đeo thứ hai 108 có thể được tháo bỏ để đơn giản hóa túi, làm nhẹ túi, và cải thiện tính thẩm mỹ.

Hệ thống quai đeo chuyển đổi được có thể cung cấp cho người dùng độ linh hoạt lớn hơn trong cách thức mà người này mang túi chơi gôn. Hệ thống quai đeo chuyển đổi được có thể giảm bớt mệt mỏi do việc mang túi chơi gôn bằng cách cho phép người dùng có thể làm thích ứng hệ thống quai đeo theo yêu cầu của người dùng. Ngoài ra, hệ thống quai đeo chuyển đổi được cung cấp giải pháp cho người phục vụ gôn muốn mang túi chơi gôn bằng cách đeo một quai đeo của từng túi trên mỗi vai. Ngoài ra, hệ thống quai đeo chuyển đổi được là đơn giản, không đòi hỏi dụng cụ cho quy trình chuyển đổi giữa cấu trúc một quai đeo và cấu trúc hai quai đeo. Có thể hiểu được phương pháp gài hoặc nhả quai đeo thứ hai 108 có khóa chuyển 100 mà không cần các chỉ dẫn chi tiết. Tất cả các dấu hiệu như nêu trên khiến cho hệ thống quai đeo chuyển đổi được trở thành giải pháp hiệu quả để đáp ứng yêu cầu về hệ thống quai đeo chuyển đổi được.

YÊU CẦU BẢO HỘ

1. Hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn bao gồm:

quai đeo thứ nhất bao gồm:

đoạn thứ nhất có đầu thứ nhất và đầu gắn thứ nhất, đầu thứ nhất được liên kết với túi chơi gôn; và

đoạn thứ hai có đầu gắn thứ hai và đầu thứ hai, đầu thứ hai được liên kết với túi chơi gôn;

quai đeo thứ hai có đầu thứ nhất và đầu thứ hai đều được liên kết với túi chơi gôn;

khóa chuyển bao gồm:

cạnh trên có lỗ gắn thứ nhất;

cạnh dưới có lỗ gắn thứ hai;

cạnh bên thứ nhất có tay đòn thứ nhất có khe thứ nhất; và

cạnh bên thứ hai có tay đòn thứ hai có khe thứ hai;

trong đó:

cạnh bên thứ nhất và cạnh bên thứ hai được làm nghiêng góc so với phần còn lại của khóa chuyển;

cạnh bên thứ nhất xác định lỗ hở cạnh bên thứ nhất, tay đòn thứ nhất tạo ra mép của lỗ hở cạnh bên thứ nhất;

cạnh bên thứ hai xác định lỗ hở cạnh bên thứ hai, tay đòn thứ hai tạo ra mép của lỗ hở cạnh bên thứ hai;

đầu gắn thứ nhất của quai đeo thứ nhất được nối với lỗ gắn thứ nhất;

đầu gắn thứ hai của quai đeo thứ nhất được nối với lỗ gắn thứ hai;

quai đeo thứ hai được làm thích ứng để lắp khít bên trong lỗ hở cạnh bên thứ nhất và lỗ hở cạnh bên thứ hai dọc theo đường dẫn thẳng kéo dài qua lỗ hở cạnh bên thứ nhất và lỗ hở cạnh bên thứ hai;

quai đeo thứ hai có thể di chuyển tự do dọc theo đường dẫn thẳng;

túi chơi gôn có thể được thiết lập cấu trúc để mang ở cấu trúc một quai đeo hoặc ở cấu trúc hai quai đeo;

quai đeo thứ hai được nhả với khóa chuyển ở cấu trúc một quai đeo;

quai đeo thứ hai được gài với khóa chuyển ở cấu trúc hai quai đeo;

quai đeo thứ hai được gài với khóa chuyển khi quai đeo thứ hai kéo dài qua lỗ hở cạnh bên thứ nhất và lỗ hở cạnh bên thứ hai dọc theo đường dẫn thẳng.

2. Hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn theo điểm 1, trong đó:

khóa chuyển còn bao gồm thân giữa, cạnh trước, và cạnh sau đối diện với cạnh trước;

kênh dẫn kéo dài từ lỗ hở cạnh bên thứ nhất tới lỗ hở cạnh bên thứ hai song song với đường dẫn thẳng;

kênh dẫn cắt vào thân giữa dọc theo phần sau của khóa chuyển;

khi ở cấu trúc hai quai đeo, quai đeo thứ hai được làm thích ứng để trượt dọc theo kênh dẫn, mà không có phần uốn, phần gấp, hoặc phần cuộn, và không có lực cản hoặc lực kẹp, sao cho quai đeo thứ hai không được cố định đúng vị trí vào khóa chuyển.

3. Hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn theo điểm 1, trong đó:

đầu gắn thứ nhất của quai đeo thứ nhất được nối không di chuyển với lỗ gắn thứ nhất; và

đầu gắn thứ hai của quai đeo thứ nhất được nối không di chuyển với lỗ gắn thứ hai.

4. Hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn theo điểm 1, trong đó:

lỗ hở cạnh bên thứ hai có độ rộng lỗ hở cạnh bên thứ hai;

quai đeo thứ hai có độ rộng quai đeo; và

độ rộng lỗ hở cạnh bên thứ hai lớn hơn so với độ rộng quai đeo.

5. Hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn theo điểm 1, trong đó:

lỗ hở cạnh bên thứ hai có độ cao lỗ hở cạnh bên thứ hai;

quai đeo thứ hai có độ dày quai đeo; và

độ cao lỗ hở cạnh bên thứ hai lớn hơn so với độ dày quai đeo.

6. Hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn theo điểm 1, trong đó:

khóa chuyển còn bao gồm thân giữa, cạnh trước, và cạnh sau; và

cạnh bên thứ nhất và cạnh bên thứ hai được làm nghiêng góc xuống dưới từ thân giữa về phía sau.

7. Hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn theo điểm 6, trong đó:

cạnh bên thứ nhất và cạnh bên thứ hai được làm nghiêng góc xuống dưới từ thân giữa ở các góc bằng nhau;

cạnh bên thứ nhất được làm nghiêng góc xuống dưới ở góc cạnh bên thứ nhất được đo trên hình chiếu từ trên xuống giữa cạnh bên thứ nhất và thân giữa; và

cạnh bên thứ hai được làm nghiêng góc xuống dưới ở góc cạnh bên thứ hai được đo trên hình chiếu từ trên xuống giữa cạnh bên thứ hai và thân giữa.

8. Hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn theo điểm 7, trong đó góc cạnh bên thứ nhất và góc cạnh bên thứ hai có khoảng giá trị được chọn từ nhóm bao gồm: từ 10° tới 20° , từ 20° tới 30° , từ 30° tới 40° , từ 40° tới 50° , từ 50° tới 60° , từ 60° tới 70° , từ 70° tới 80° , và từ 80° tới 90° .

9. Hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn theo điểm 1, trong đó khe thứ nhất gần với cạnh trên của khóa chuyển hơn so với khe thứ hai.

10. Hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn theo điểm 1, trong đó:

quai đeo thứ hai tháo ra được qua khe thứ nhất và khe thứ hai để chuyển đổi hệ thống quai đeo từ cấu trúc hai quai đeo thành cấu trúc một quai đeo; và

quai đeo thứ hai có thể lắp được qua khe thứ nhất và khe thứ hai để chuyển đổi hệ thống quai đeo từ cấu trúc một quai đeo thành cấu trúc hai quai đeo.

11. Hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn theo điểm 1, trong đó quai đeo thứ hai có thể tháo được hoàn toàn ra khỏi túi chơi gôn khi hệ thống quai đeo ở cấu trúc một quai đeo.

12. Hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn bao gồm:

quai đeo thứ nhất được chia theo cách gián đoạn thành đoạn thứ nhất và đoạn thứ hai;

quai đeo thứ hai;

khóa chuyển, khóa chuyển này bao gồm:

thân giữa, cạnh trên, cạnh dưới đối diện với cạnh trên, cạnh bên thứ nhất, cạnh bên thứ hai đối diện với cạnh bên thứ nhất, cạnh trước, và cạnh sau đối diện với cạnh trước; trong đó thân giữa nối cạnh trên, cạnh dưới, cạnh bên thứ nhất, cạnh bên thứ hai, cạnh trước, và cạnh sau;

trong đó:

khi được quan sát trên hình chiếu từ trên xuống, cạnh bên thứ nhất và cạnh bên thứ hai được uốn xuống dưới để tạo ra góc nhọn với mặt sau của thân giữa;

lỗ gấn thứ nhất kéo dài qua cạnh trên của khóa chuyển từ phía trước tới phía sau;

lỗ gấn thứ hai kéo dài qua cạnh dưới của khóa chuyển từ phía trước tới phía sau;

lỗ hở cạnh bên thứ nhất kéo dài qua cạnh bên thứ nhất từ phía trước tới phía sau;

lỗ hở cạnh bên thứ hai kéo dài qua cạnh bên thứ hai từ phía trước tới phía sau;

đoạn thứ nhất của quai đeo thứ nhất được cố định vĩnh viễn vào lỗ gấn thứ nhất;

đoạn thứ hai của quai đeo thứ nhất được cố định vĩnh viễn vào lỗ gấn thứ hai; và

lỗ hở cạnh bên thứ nhất và lỗ hở cạnh bên thứ hai được làm thích ứng để cho phép quai đeo thứ hai có thể trượt không bị hạn chế dọc theo đường dẫn kéo dài từ lỗ hở cạnh bên thứ nhất tới lỗ hở cạnh bên thứ hai.

13. Hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn theo điểm 12, trong đó:

cạnh bên thứ nhất của khóa chuyển có góc trên thứ nhất, góc dưới thứ nhất, và tay đòn thứ nhất để tạo ra đường biên của lỗ hở cạnh bên thứ nhất và xác định mép ngoài của lỗ hở cạnh bên thứ nhất;

tay đòn thứ nhất là không liên tục;

tay đòn thứ nhất bao gồm phần tay đòn thứ nhất trên và phần tay đòn thứ nhất dưới được tách rời bởi khe thứ nhất;

phần tay đòn thứ nhất trên nối với và kéo dài xuống dưới từ góc trên thứ nhất;

phần tay đòn thứ nhất dưới nối với và kéo dài lên trên từ góc dưới thứ nhất;

cạnh bên thứ hai của khóa chuyển bao gồm góc trên thứ hai, góc dưới thứ hai, và tay đòn thứ hai để tạo ra đường biên của lỗ hở cạnh bên thứ hai và xác định mép ngoài của lỗ hở cạnh bên thứ hai;

tay đòn thứ hai là không liên tục; và

tay đòn thứ hai bao gồm phần tay đòn thứ hai trên và phần tay đòn thứ hai dưới được tách rời bởi khe thứ hai.

14. Hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn theo điểm 13, trong đó:

khe thứ nhất và khe thứ hai được làm thích ứng để cho phép quai đeo thứ hai có thể có thể tháo được ra khỏi đường dẫn giữa lỗ hở cạnh bên thứ nhất và lỗ hở cạnh bên thứ hai.

15. Hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn theo điểm 13, trong đó:

phần tay đòn thứ nhất trên ngắn hơn so với phần tay đòn thứ nhất dưới, nhờ đó làm cho khe thứ nhất được định vị gần với cạnh trên hơn so với cạnh dưới của khóa chuyển;

phần tay đòn thứ hai trên dài hơn so với phần tay đòn thứ hai dưới, nhờ đó làm cho khe thứ hai được định vị gần với cạnh dưới hơn so với cạnh trên của khóa chuyển; và

các vị trí của khe thứ nhất và khe thứ hai trợ giúp việc cố định quai đeo thứ hai bên trong đường dẫn.

16. Hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn theo điểm 13, trong đó:

khe thứ nhất bao gồm độ rộng khe thứ nhất, được đo vuông góc từ mặt phẳng tiếp tuyến với một đầu của phần tay đòn thứ nhất trên tới mặt phẳng tiếp tuyến với một đầu của phần tay đòn thứ nhất dưới;

khe thứ hai bao gồm độ rộng khe thứ hai, được đo vuông góc từ mặt phẳng tiếp tuyến với một đầu của phần tay đòn thứ hai trên tới mặt phẳng tiếp tuyến với một đầu của phần tay đòn thứ hai dưới;

độ rộng khe thứ hai bằng độ rộng khe thứ nhất;

quai đeo thứ hai có độ dày; và

độ rộng khe thứ nhất và độ rộng khe thứ hai là lớn hơn so với độ dày của quai đeo thứ hai.

17. Hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn theo điểm 16, trong đó:

độ rộng khe thứ nhất và độ rộng khe thứ hai có khoảng giá trị được chọn từ nhóm bao gồm: từ 0,5 mm tới 0,7 mm, từ 0,7 mm tới 0,9 mm, từ 0,9 mm tới 1,1 mm, từ 1 mm tới 1,5 mm, từ 1,5 mm tới 2 mm, từ 2 mm tới 3 mm, từ 3 mm tới 4 mm, và từ 4 mm tới 5 mm.

18. Hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn theo điểm 13, trong đó:

đường chuẩn được xác định chéo từ góc trên thứ nhất tới góc dưới thứ hai của khóa chuyển; và

khe thứ nhất và khe thứ hai đều được làm nghiêng góc gần như song song với đường chuẩn.

19. Hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn theo điểm 13, trong đó:

trục dọc được xác định theo hướng từ cạnh bên thứ nhất tới cạnh bên thứ hai, và được định tâm giữa cạnh trên và cạnh dưới của khóa chuyển khi được quan sát trên hình chiếu từ phía sau;

đường chuẩn khe thứ nhất chạy song song qua khe thứ nhất khi được quan sát trên hình chiếu từ phía sau;

đường chuẩn khe thứ hai chạy song song qua khe thứ hai khi được quan sát trên hình chiếu từ phía sau;

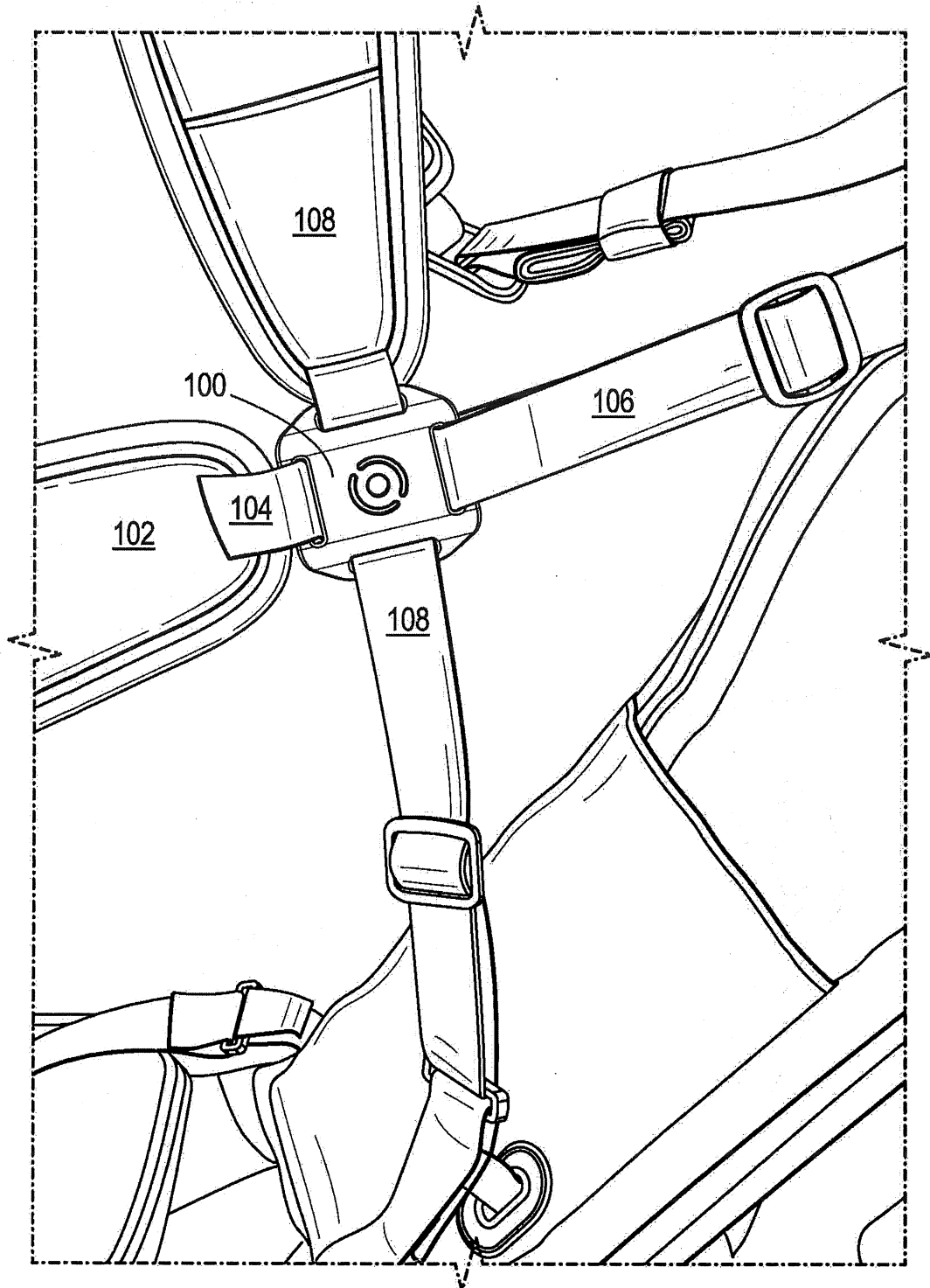
khe thứ nhất được làm nghiêng góc với góc khe thứ nhất, góc khe thứ nhất này được đo ngược chiều kim đồng hồ từ trục dọc tới đường chuẩn khe thứ nhất;

khe thứ hai được làm nghiêng góc với góc khe thứ hai, góc khe thứ hai này được đo ngược chiều kim đồng hồ từ trục dọc tới đường chuẩn khe thứ hai; và

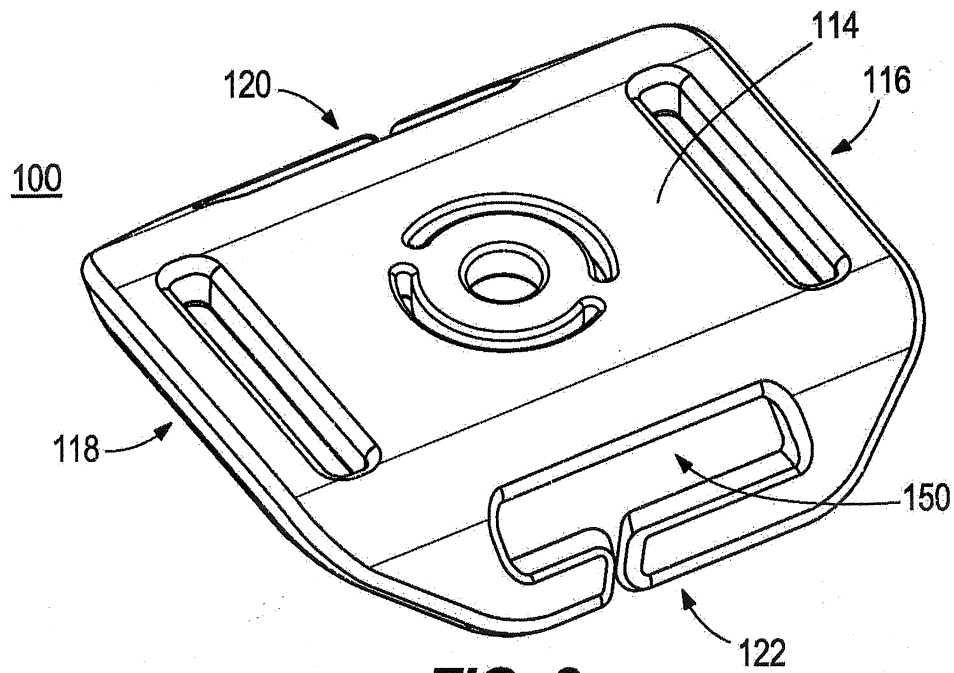
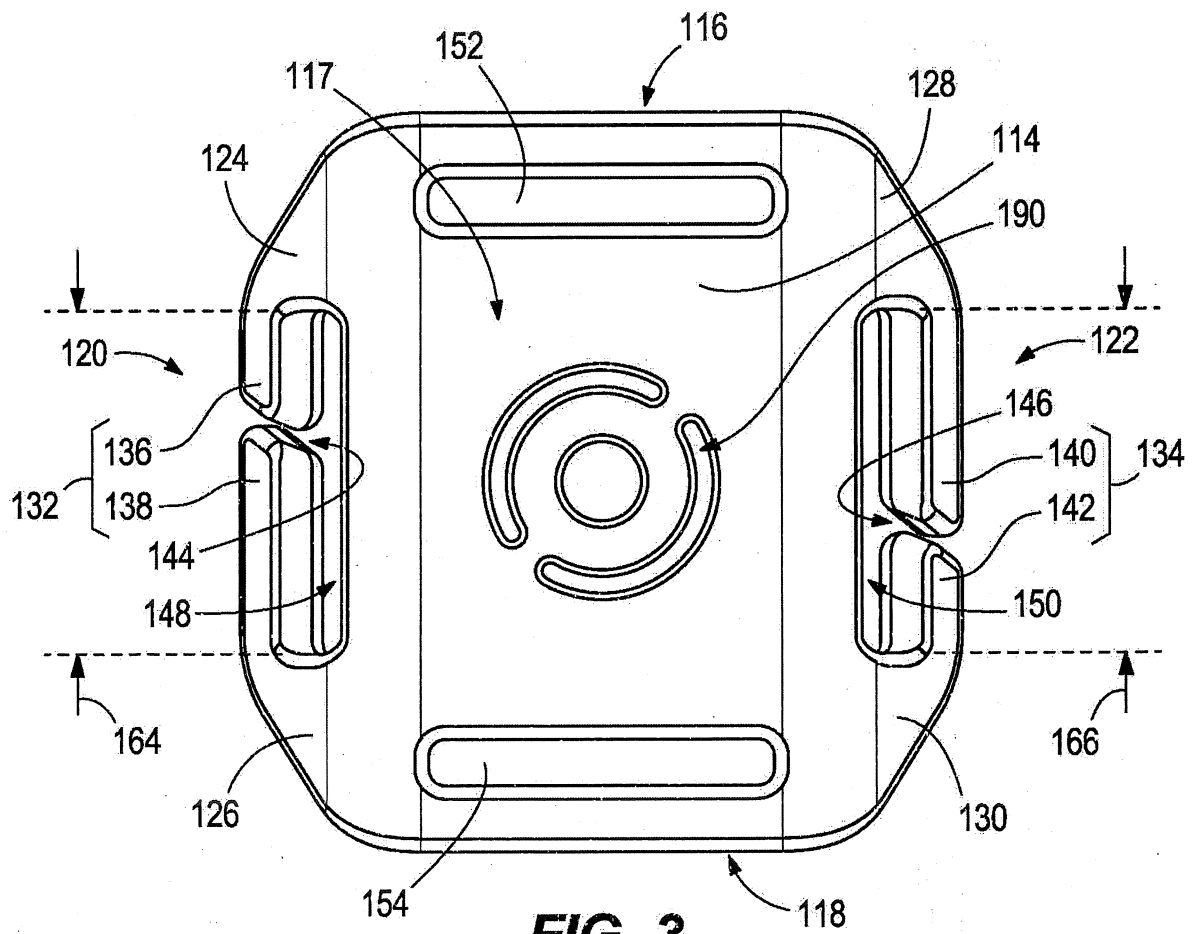
góc khe thứ nhất bằng góc khe thứ hai.

20. Hệ thống quai đeo dùng cho túi chơi gôn theo điểm 19, trong đó cả góc khe thứ nhất và góc khe thứ hai đều có khoảng giá trị được chọn từ nhóm bao gồm: từ 0° tới 10° , từ 10° tới 20° , từ 20° tới 30° , từ 30° tới 40° , từ 40° tới 50° , từ 50° tới 60° , từ 60° tới 70° , và từ 70° tới 80° .

1/7

**FIG. 1**

2/7

**FIG. 2****FIG. 3**

3/7

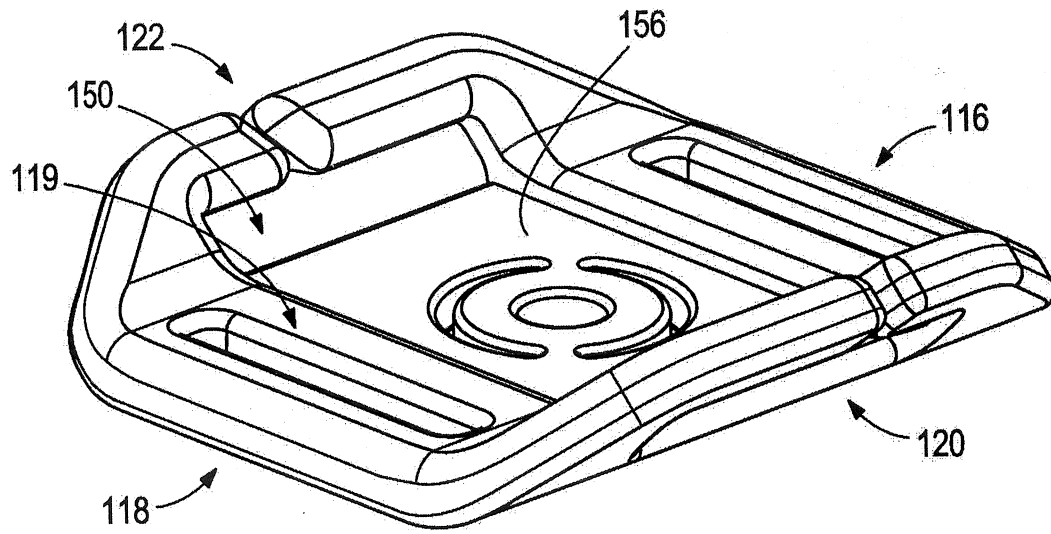


FIG. 4

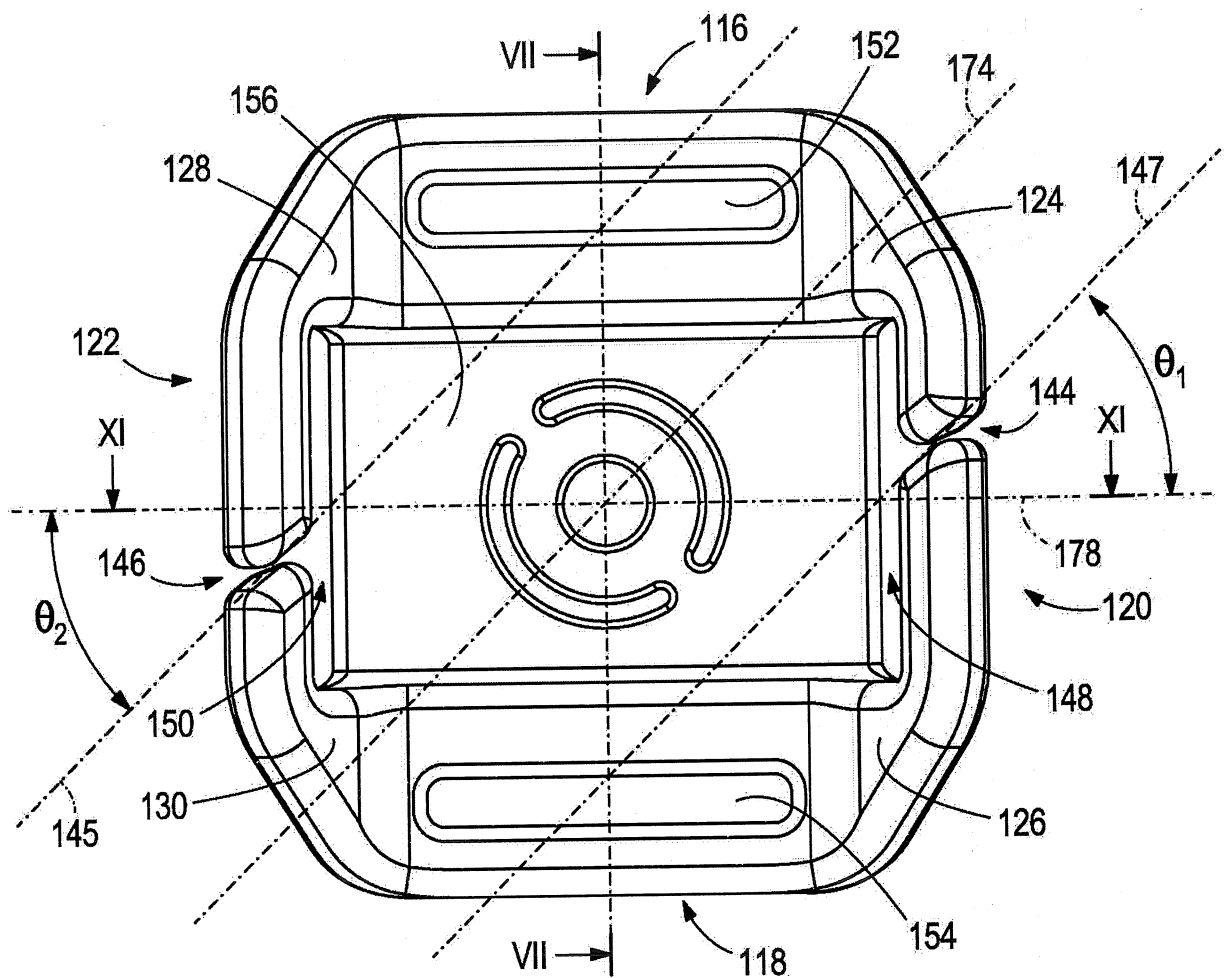
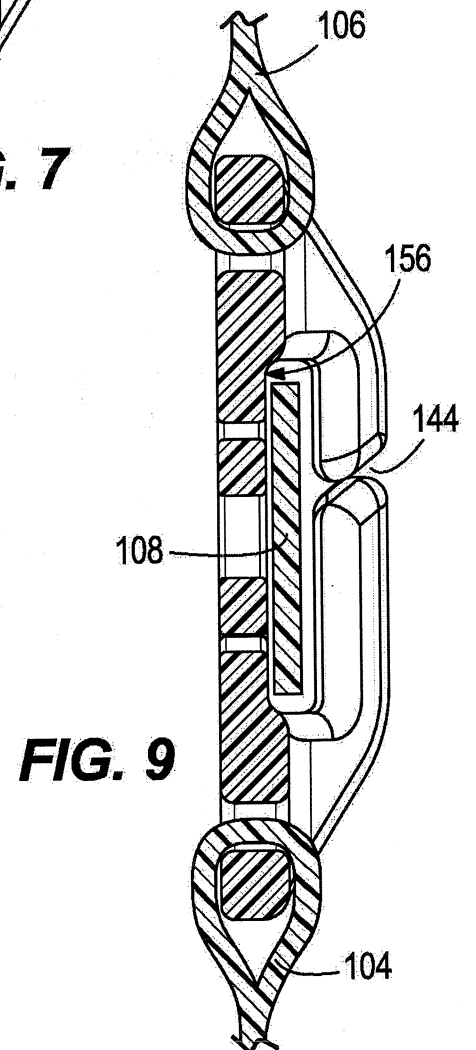
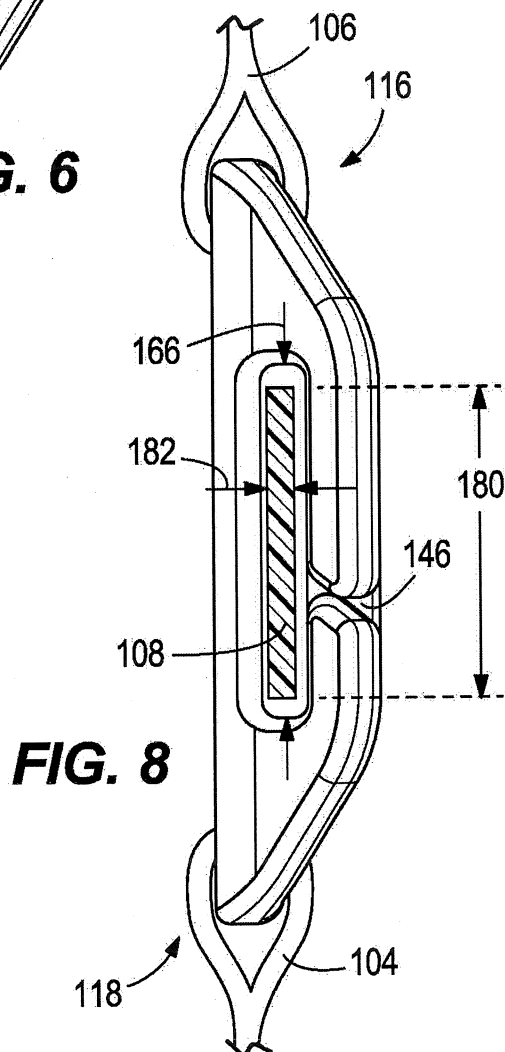
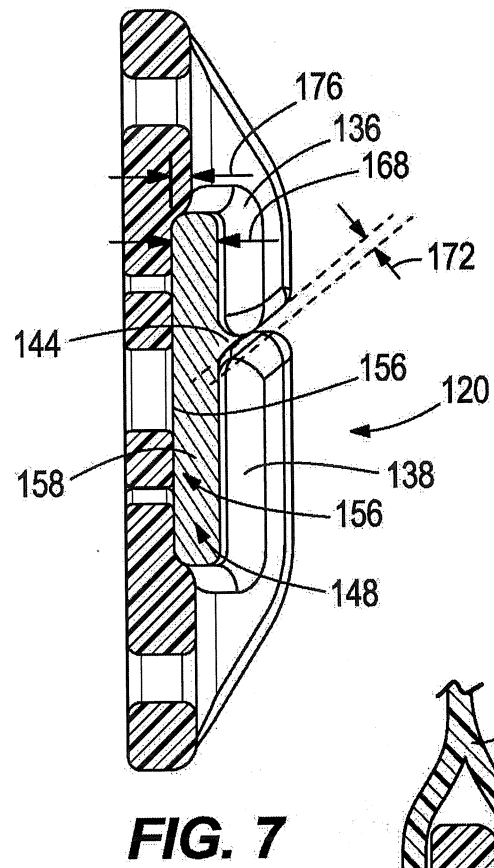
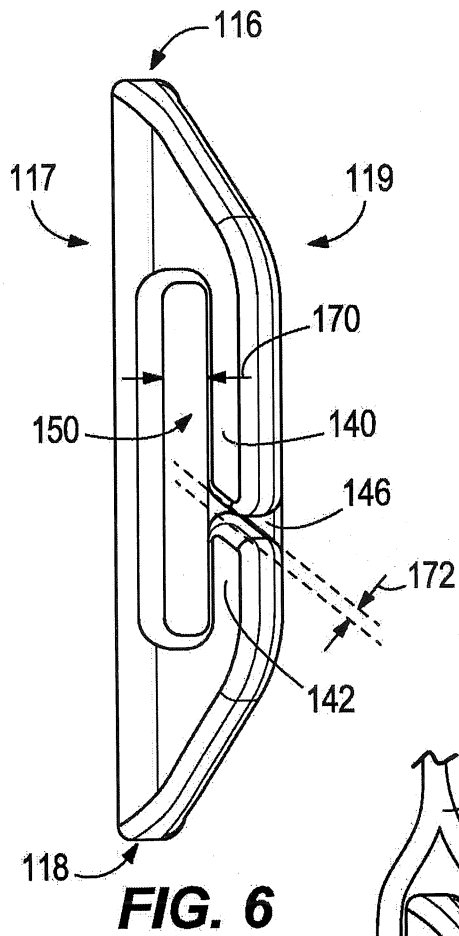
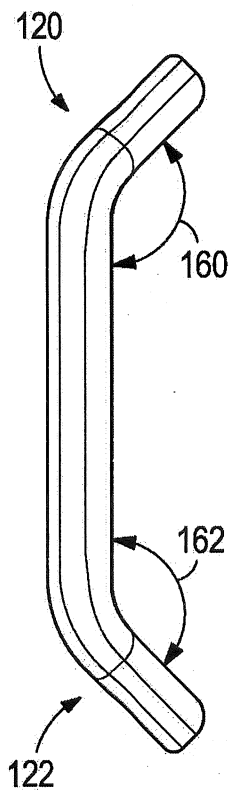


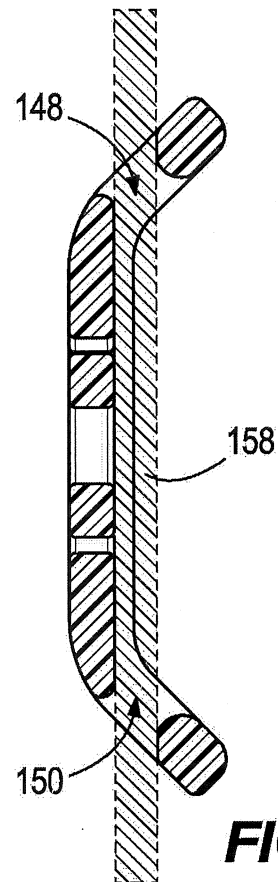
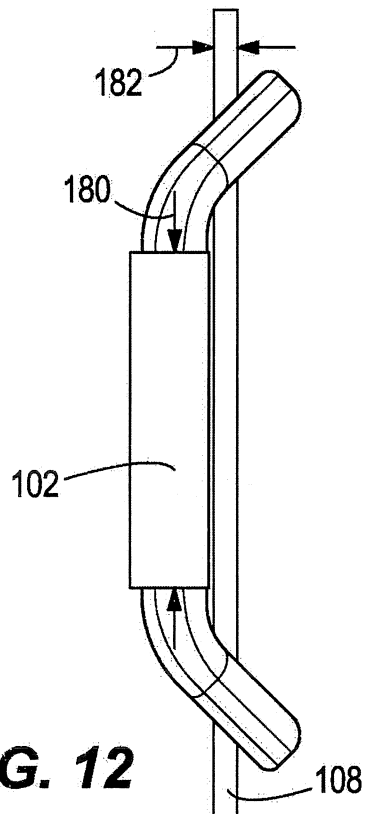
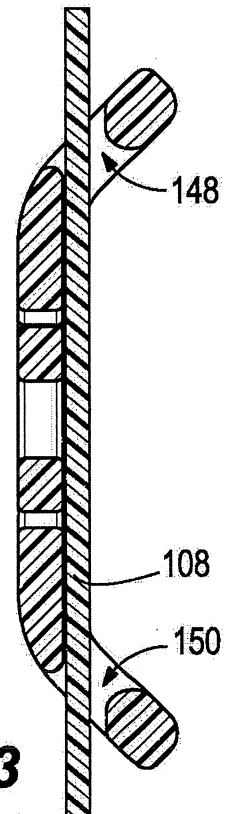
FIG. 5

4/7

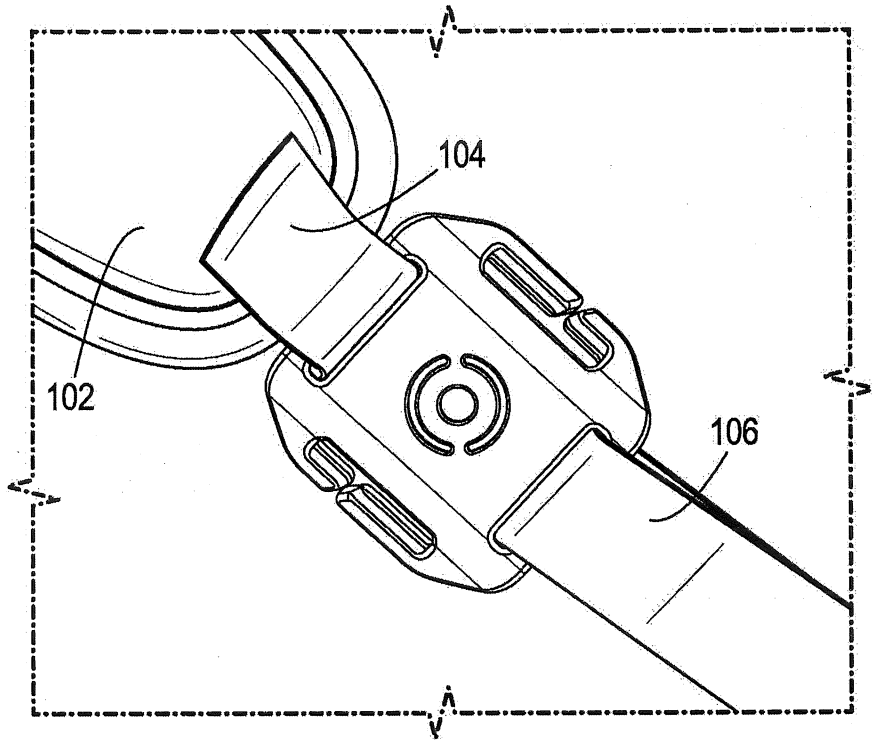
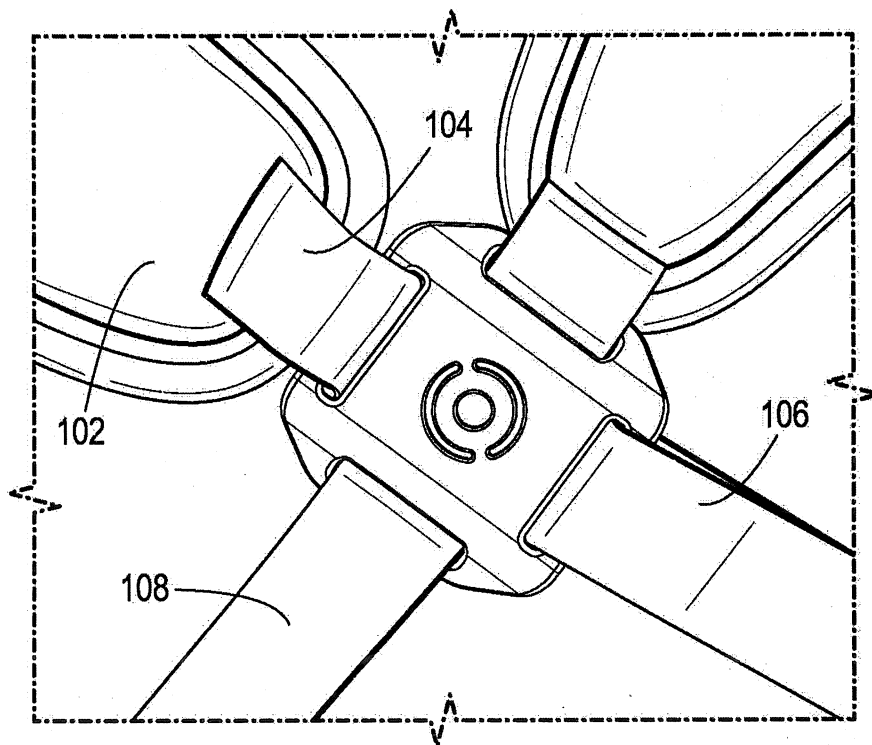


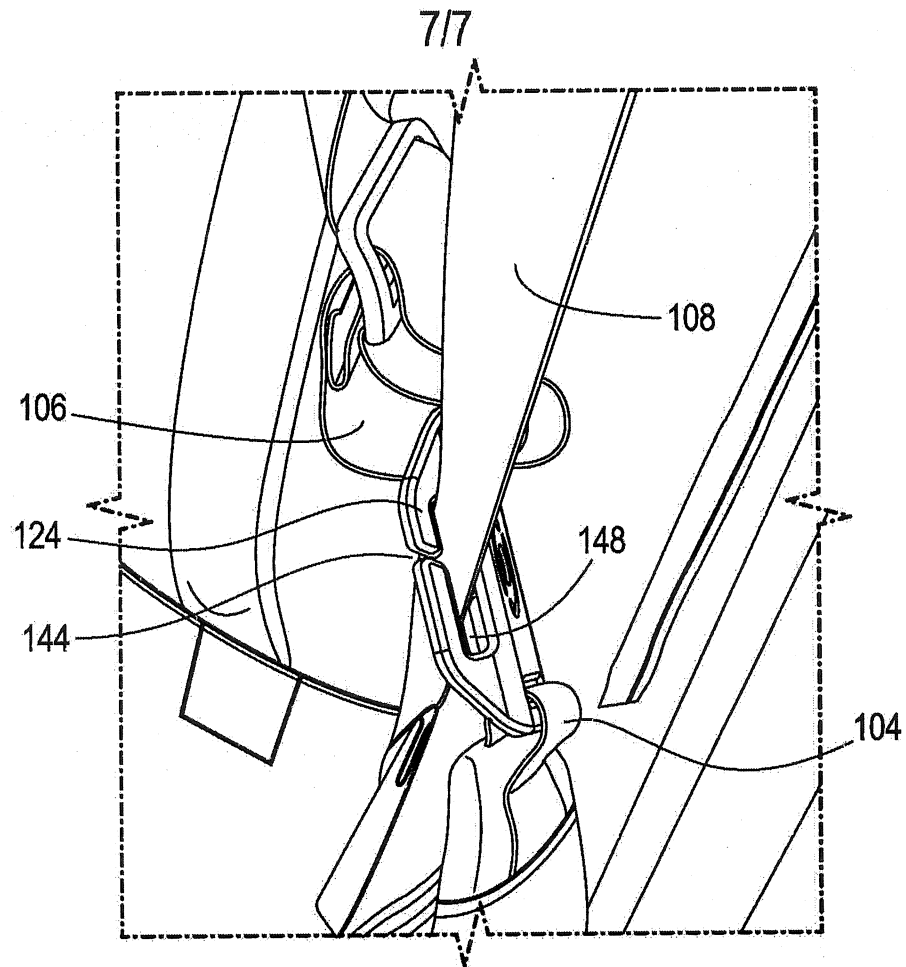
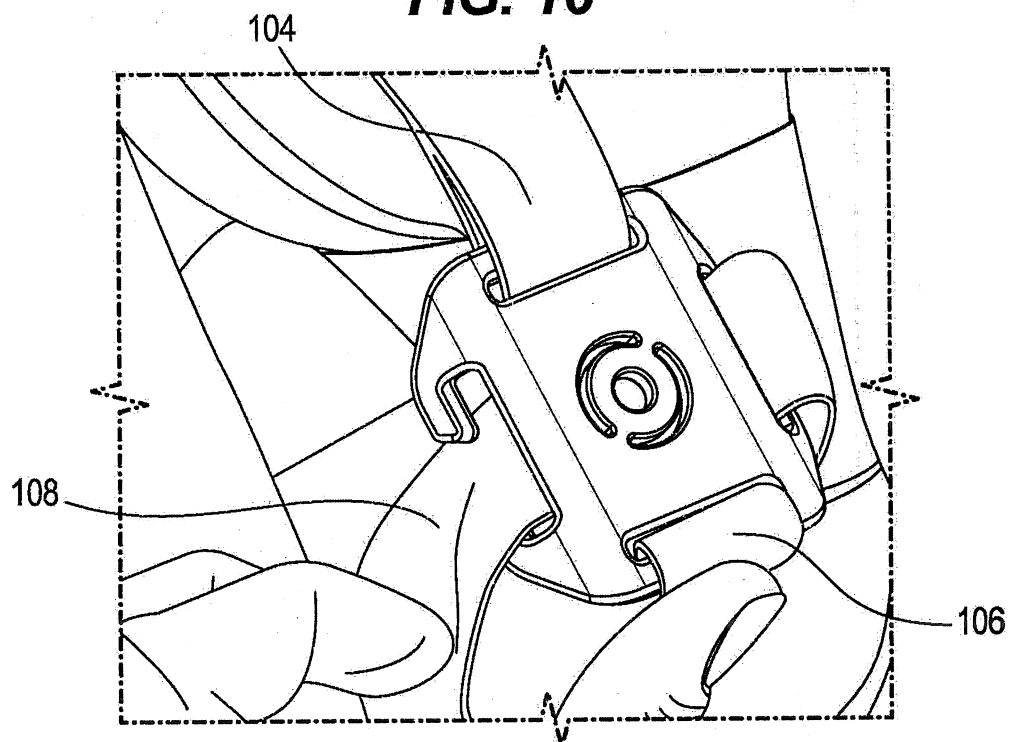
**FIG. 10**

5/7

**FIG. 11****FIG. 12****FIG. 13**

6/7

**FIG. 14****FIG. 15**

**FIG. 16****FIG. 17**